

Số: /KH-UBND

Vinh Yên, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường phù hợp với trẻ em trên địa bàn thành phố Vinh Yên giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 29/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Phúc về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. UBND thành phố Vinh Yên xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường phù hợp với trẻ em trên địa bàn thành phố Vinh Yên giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng một môi trường sống an toàn, lành mạnh mà ở đó tất cả trẻ em đều được bảo vệ. Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu, loại bỏ các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, giảm thiểu tình trạng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực, tạo cơ hội để các em được tái hòa nhập cộng đồng và bình đẳng về cơ hội phát triển, hài hòa về thể chất, trí tuệ và nhân cách.

2. Yêu cầu

Tổ chức, đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em phải đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ và đúng quy định.

- Đánh giá xã, phường phù hợp với trẻ em được thực hiện vào tháng 11 năm thứ 2 (2022) và tháng 11 năm thứ 4 (2024) của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em nhằm xây dựng một môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh phù hợp cho trẻ em. Tạo điều kiện cho trẻ em được hưởng đầy đủ các quyền cơ bản của mình, có cơ hội phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần và nhân cách.

2. Mục tiêu cụ thể:

- 100 xã, phường xây dựng kế hoạch và đăng ký cam kết thực hiện các tiêu chí về xã, phường phù hợp với trẻ em.

- Năm 2022: Phần đầu đạt 7/9 (bằng 78%) xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em trở lên (đánh giá năm 2019 là 7/9 xã, phường chiếm 78%).

- Năm 2024: Phần đầu đạt 8/9 (bằng 89%) xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em trở lên.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động cụ thể

1.1. Truyền thông, thay đổi hành vi về bảo vệ, chăm sóc trẻ em

- Tiếp tục tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em đặc biệt là các nội dung tại Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình hành động số 76-CTr/TU ngày 6/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 22/8/2019 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình hành động số 76-CTr/TU ngày 6/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; lồng ghép trong các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương để đẩy mạnh triển khai các nội dung liên quan đến tiêu chí về xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em hàng năm.

- Vận động, tư vấn trực tiếp tại cộng đồng để nâng cao trách nhiệm từng thành viên trong gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em nói chung và công tác xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em nói riêng. Ngăn chặn, đẩy lùi các hành vi xâm hại, bạo lực trẻ em.

- Thực hiện vận động, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện tốt công tác xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em, tạo môi trường sống thân thiện, an toàn và phù hợp với trẻ em.

1.2. Nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Tập huấn cho cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp huyện, cấp xã về tiêu chí đánh giá; trình tự đánh giá; trình tự xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.

- Tổ chức Hội nghị, Hội thảo sơ kết, tổng kết nhằm chia sẻ kinh nghiệm trong công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

1.3. Kiểm tra, giám sát công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Việc đánh giá các tiêu chí xã, phường phù hợp với trẻ em phải đảm bảo tính trung thực, dân chủ, công bằng, công khai và đúng thời gian quy định.

- Tại năm đánh giá, xét duyệt và công nhận xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em: các phòng, ban, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, giám sát quy trình công nhận xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.

2. Tiêu chí đánh giá; cách tính, thang điểm đối với từng tiêu chí và điều kiện công nhận xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.

2.1. Các tiêu chí

- Tiêu chí 1: Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em.
- Tiêu chí 2: Trẻ em được khai sinh đúng quy định.
- Tiêu chí 3: Trẻ em bị xâm hại.
- Tiêu chí 4: Trẻ em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy.
- Tiêu chí 5: Trẻ em bị tai nạn, thương tích.
- Tiêu chí 6: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp.
- Tiêu chí 7: Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng.
- Tiêu chí 8: Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi.
- Tiêu chí 9: Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ.
- Tiêu chí 10: Trẻ em đến trường, lớp mầm non.
- Tiêu chí 11: Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em.
- Tiêu chí 12: Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em.
- Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của trẻ em và người dân về việc thực hiện quyền trẻ em.

2.2. Cách tính, thang điểm đối với từng tiêu chí

Tên gọi của tiêu chí	Cách tính và thang điểm	Số điểm
Tiêu chí 1: Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em	1. Có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã: 50 điểm 2. Có bố trí cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại thôn, tổ dân phố (sau đây gọi chung là thôn và tương đương): 15 điểm 3. Có ban bảo vệ trẻ em hoặc nhóm chuyên trách bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt chế độ giao ban, đánh giá định kỳ hằng tháng, quý, năm: 15 điểm 4. Có kinh phí (ngân sách nhà nước và vận động xã hội) chăm lo cho trẻ em tại địa phương: điểm 20 điểm	100
Tiêu chí 2: Trẻ em được khai sinh đúng quy định Tính theo tỷ lệ trẻ em được khai sinh đúng quy định:	Tính theo tỷ lệ trẻ em được khai sinh đúng quy định: 1. Từ 98 trở lên: 50 điểm 2. Từ 90 đến dưới 98 : 40 điểm 3. Từ 80 đến dưới 90 : 30 điểm 4. Dưới 80 : 20 điểm	50
Tiêu chí 3: Trẻ em bị	1. Trên địa bàn xã, phường có trẻ em bị xâm hại	125

<p>xâm hại Tính theo tỷ suất trẻ em bị xâm hại (là số trẻ em bị xâm hại dưới các hình thức mà người xâm hại trẻ em bị xử lý hành chính hoặc hình sự trên 1.000 trẻ em):</p>	<p>tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự: 0 điểm</p> <p>2. Trên địa bàn xã, phường không có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự và tỷ suất trẻ em bị xâm hại trong kỳ đánh giá:</p> <p>a) Dưới 1/1.000: 125 điểm</p> <p>b) Từ 1 đến dưới 3/1.000: 100 điểm</p> <p>c) Từ 3 đến dưới 5/1.000: 75 điểm</p> <p>đ) Từ 7/1.000 trở lên: 30 điểm</p>	
<p>Tiêu chí 4: Trẻ em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy</p>	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em vi phạm pháp luật (là số trẻ em vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý hình sự, phải áp dụng biện pháp xử lý hành chính: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình và trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại cơ sở cai nghiện, gia đình, cộng đồng trên 1.000 trẻ em):</p> <p>1. Dưới 1/1.000: 50 điểm</p> <p>2. Từ 1 đến dưới 2/1.000: 40 điểm</p> <p>3. Từ 2 đến dưới 5/1.000: 30 điểm</p> <p>4. Từ 5 đến dưới 7/1.000: 20 điểm</p> <p>5. Từ 7/1.000 trở lên: 10 điểm</p>	50
<p>Tiêu chí 5: Trẻ em bị tai nạn, thương tích</p>	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích (là số trẻ em bị tai nạn, thương tích dẫn đến tử vong hoặc bị khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật trên 1.000 trẻ em):</p> <p>1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích: 0 điểm</p> <p>2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích và tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích:</p> <p>a) Dưới 0,25/1.000: 100 điểm</p> <p>b) Từ 0,25 đến dưới 0,5/1.000: 75 điểm</p> <p>c) Từ 0,5/1.000 trở lên: 50 điểm</p>	100
<p>Tiêu chí 6: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp</p>	<p>1. Tính theo tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp:</p> <p>a) Từ 95 trở lên: 50 điểm</p> <p>b) Từ 90 đến dưới 95 : 40 điểm</p> <p>c) Từ 80 đến dưới 90 : 30 điểm</p>	125

	<p>d) Từ 70 đến dưới 80 : 20 điểm</p> <p>đ) Dưới 70 : 10 điểm</p> <p>2. Tính theo tỷ lệ các vụ việc trẻ em bị xâm hại tình dục, bỏ rơi, mua bán được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch can thiệp, hỗ trợ kịp thời:</p> <p>a) 100 : 75 điểm</p> <p>b) Từ 75 đến dưới 100 : 60 điểm</p> <p>c) Từ 50 đến dưới 75 : 40 điểm</p> <p>d) Dưới 50 : 0 điểm</p>	
Tiêu chí 7: Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng (là số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng so với tổng số trẻ em dưới 1 tuổi):</p> <p>1. Từ 98 trở lên: 50 điểm</p> <p>2. Từ 90 đến dưới 98 : 40 điểm</p> <p>3. Từ 80 đến dưới 90 : 30 điểm</p> <p>4. Dưới 80 : 10 điểm</p>	50
Tiêu chí 8: Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi	<p>1. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi):</p> <p>a) Dưới 10 : 45 điểm</p> <p>b) Từ 10 đến dưới 14 : 35 điểm</p> <p>c) Từ 14 trở lên: 25 điểm</p> <p>2. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi):</p> <p>a) Dưới 20 : 30 điểm</p> <p>b) Từ 20 đến dưới 24 : 20 điểm</p> <p>c) Từ 24 trở lên: 10 điểm</p>	75
Tiêu chí 9: Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em được khám sức khỏe định kỳ (là số trẻ em được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần trong năm trên tổng số trẻ em):</p> <p>1. Từ 80 trở lên: 50 điểm</p> <p>2. Từ 70 đến dưới 80 : 40 điểm</p> <p>3. Từ 60 đến dưới 70 : 30 điểm</p> <p>4. Từ 50 đến dưới 60 : 20 điểm</p> <p>5. Dưới 50 : 10 điểm</p>	50
Tiêu chí 10: Trẻ em đến trường, lớp mầm non	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em đến trường, lớp mầm non:</p> <p>1. Từ 90 trở lên: 75 điểm</p> <p>2. Từ 80 đến dưới 90 : 65 điểm</p>	75

	<p>3. Từ 70 đến dưới 80 : 55 điểm</p> <p>4. Dưới 70 : 40 điểm</p>	
Tiêu chí 11: Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em	<p>Tính theo việc tổ chức hoạt động thực hiện quyền tham gia của trẻ em (diễn đàn trẻ em, thăm dò ý kiến trẻ em, câu lạc bộ quyền trẻ em, hội đồng trẻ em, chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện, các hình thức khác theo quy định) và tỷ lệ trẻ em tham gia:</p> <p>1. Từ 20 trở lên: 75 điểm</p> <p>2. Từ 15 đến dưới 20 : 60 điểm</p> <p>3. Từ 10 đến dưới 15 : 50 điểm</p> <p>4. Dưới 10 : 40 điểm</p>	75
Tiêu chí 12: Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em	<p>1. Tính theo tỷ lệ thôn và tương đương có Nhà văn hóa - Khu thể thao dành tối thiểu 30 thời gian sử dụng để tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao cho trẻ em:</p> <p>a) Từ 70 trở lên: 45 điểm</p> <p>b) Từ 50 đến dưới 70 : 30 điểm</p> <p>c) Dưới 50 : 20 điểm</p> <p>2. Tổ chức ít nhất 02 hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao cho trẻ em (ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, tháng hành động vì trẻ em, tết Trung thu,...): 30 điểm</p>	75
Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của trẻ Thang điểm:	<p>Tính theo tỷ lệ người dân và trẻ em hài lòng về việc thực hiện quyền trẻ em tại địa phương (là số người dân và trẻ em hài lòng trên tổng số người dân và trẻ em được hỏi ý kiến thông qua một hoặc các hình thức: phiếu lấy ý kiến, cuộc họp, gặp mặt, đối thoại hoặc hình thức phù hợp khác):</p> <p>1. Từ 80 trở lên: 50 điểm</p> <p>2. Từ 70 đến dưới 80 : 40 điểm</p> <p>3. Từ 60 đến dưới 70 : 30 điểm</p> <p>4. Từ 50 đến dưới 60 : 20 điểm</p> <p>5. Dưới 50 : 10 điểm</p>	50

2.3. Điều kiện công nhận

Căn cứ quy định của Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định số điểm để công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (phải đạt đủ 13 tiêu chí theo quy định, không có tiêu chí nào bị 0 điểm) và đạt tổng số điểm từ 850 điểm trở lên.

3. Thời gian, trình tự đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

- Việc đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được thực hiện vào tháng 11 năm thứ 2 và tháng 11 năm thứ 4 của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm. (Số liệu thống kê các Tiêu chí 1,2,4,6,7,8,9,10,11,12,13 được thu thập trong năm đánh giá; Số liệu thống kê Tiêu chí 3,5 được thu thập trong kỳ đánh giá).

- Công chức Văn hóa - xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch UBND cấp xã thành lập Hội đồng đánh giá bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm: Công chức Văn hóa - Xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội (ủy viên thường trực), Trưởng công an, Trạm trưởng Trạm y tế, Công chức Tư pháp - Hộ tịch, Hiệu trưởng trường mầm non, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, đại diện thôn và tương đương.

- Hội đồng đánh giá: Các thành viên căn cứ nhiệm vụ được giao thu thập số liệu, chấm điểm và báo cáo tình hình thực hiện các tiêu chí liên quan. Cuộc họp của Hội đồng đánh giá phải được ghi chép bằng biên bản; có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.

- Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em gửi UBND thành phố trước ngày 15 tháng 11 của năm đánh giá.

4. Thời gian, trình tự xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

- Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập Hội đồng xét duyệt bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch & UBND cấp thành phố là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm đại diện lãnh đạo các phòng, đơn vị: Lao động - Thương binh và Xã hội (ủy viên thường trực), Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thông tin, Y tế, Công an, Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ.

- Hội đồng xét duyệt: các thành viên Hội đồng xét duyệt có nhiệm vụ xem xét báo cáo của cấp xã và xác định số điểm đạt được cho từng tiêu chí. Cuộc họp của Hội đồng xét duyệt phải được ghi chép bằng biên bản, có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, phù hợp với trẻ em.

- Công nhận xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp danh sách xã, phường, thị trấn đạt điều kiện công nhận xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em, trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét và ký quyết định công nhận xã, phường phù hợp với trẻ em trước ngày 25 tháng 11 của năm đánh giá.

- UBND thành phố gửi quyết định công nhận cho các xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em trước ngày 10 tháng 12 của năm đánh giá.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí lồng ghép với kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, đề án, kế hoạch, chương trình hàng năm của các cơ quan đơn vị và các địa phương theo phân cấp ngân sách và nguồn xã hội hóa.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- Trước ngày 15 tháng 11 của năm đánh giá, UBND các xã, phường báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em gửi UBND thành phố (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Trước ngày 30 tháng 11 của năm đánh giá, UBND thành phố báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tham mưu với UBND thành phố triển khai Kế hoạch và văn bản chỉ đạo UBND xã, phường xây dựng, đánh giá, đề nghị công nhận xã phường phù hợp với trẻ em theo Quyết định 06/2019/QĐ-TTg, ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Đôn đốc kiểm tra việc triển khai, thực hiện xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể và nhân dân trong việc xây dựng xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em.

- Phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ về công tác xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em cho cán bộ làm công tác Bảo vệ, chăm sóc trẻ em; thành viên Hội đồng xét duyệt công nhận xã, phường phù hợp với trẻ em cấp xã, phường.

- Trực tiếp chỉ đạo, theo dõi đánh giá tiêu chí 1, tiêu chí 5, tiêu chí 6, tiêu chí 11, tiêu chí 13. Hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này để báo cáo UBND thành phố và Sở Lao động - TB&XH theo quy định.

- Tham mưu với UBND thành phố ra quyết định công nhận xã, phường phù hợp với trẻ em và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - TB&XH) theo quy định.

2. Phòng Tư pháp

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động trợ giúp pháp lý cho trẻ em theo quy định của pháp luật. Trực tiếp chỉ đạo, theo dõi đánh giá tiêu chí 2 của Quyết định số 06/QĐ-TTg; chỉ đạo việc thực hiện đăng ký khai sinh đúng quy định cho trẻ em.

3. Văn phòng HĐND và UBND thành phố

Phối hợp với các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường tuyên truyền và thực hiện các mục tiêu về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em; tổ chức thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em, chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và các chương trình khác về chăm sóc

sức khỏe cho trẻ em; hướng dẫn các địa phương thực hiện tốt các chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe trẻ em. Trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, đánh giá tiêu chí 7, tiêu chí 8, tiêu chí 9.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố

- Thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ngành học mầm non, mẫu giáo đến trung học cơ sở; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em theo quy định hiện hành của Nhà nước; chỉ đạo các trường tiếp tục xây dựng và duy trì có hiệu quả mô hình “*Trường học an toàn*”, phòng chống bạo lực học đường ở các trường học. Trực tiếp chỉ đạo, theo dõi đánh giá tiêu chí 10.

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và triển khai việc thu thập, đánh giá tiêu chí số 11 thông qua việc hỏi ý kiến của trẻ em và phụ huynh trong trường Mầm Non, Tiểu học và THCS.

5. Phòng Văn hóa thông tin thành phố

- Phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra, đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn phù hợp với trẻ em.

- Chỉ đạo lồng ghép xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em vào xây dựng gia đình văn hóa; thôn, khu phố văn hóa; công tác gia đình; các mô hình, hoạt động phòng, chống bạo lực trong gia đình. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí cho trẻ em. Trực tiếp chỉ đạo, theo dõi đánh giá tiêu chí 12 của Quyết định số 06/QĐ-TTg.

6. Trung tâm Văn hóa-TT&TT thành phố

Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể và nhân dân trong việc xây dựng xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em và công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, nhằm tạo môi trường an toàn, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của trẻ em.

7. Công an thành phố

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường tổ chức các hoạt động tuyên truyền và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý nghiêm đối với các hành vi xâm hại tình dục, bạo lực, ngược đãi, bóc lột sức lao động, mua bán, bắt cóc trẻ em và các hành vi dùng trẻ em thu lợi bất chính dưới mọi hình thức; đặc biệt quan tâm ngăn ngừa người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Trực tiếp chỉ đạo, theo dõi đánh giá các tiêu chí 3, tiêu chí 4 của Quyết định số 06/QĐ-TTg.

8. Phòng Tài chính - KH

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của thành phố, tham mưu bố trí kinh phí, thẩm định kinh phí thực hiện kế hoạch.

- Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

9. Đề nghị Ủy ban MTTQ và các đoàn thể thành phố

Phối hợp triển khai tổ chức thực hiện trong hệ thống mình và tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân cùng thực hiện tốt kế hoạch trên và giám sát thực hiện quy định tiêu chuẩn xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em.

10. UBND các xã, phường

- Căn cứ tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em và tình hình thực tế của địa phương, hàng năm xây dựng mục tiêu, đăng ký xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em với UBND thành phố.

- Kiện toàn Hội đồng đánh giá xã, phường; Tổ chức đánh giá, công nhận xã phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em phải đảm bảo đúng quy trình, dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch.

- Thực hiện đầy đủ quy trình và hồ sơ đánh giá xã, phường phù hợp với trẻ em tại cấp xã và đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xem xét công nhận xã phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.

Trên đây là Kế hoạch Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường phù hợp với trẻ em trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên giai đoạn 2021-2025. Đề nghị Ủy ban MTTQ và các đoàn thể thành phố, các phòng, ban, đơn vị phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả, thiết thực. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Phòng Lao động-TB&XH để tổng hợp báo cáo UBND thành phố xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT Thành ủy, HĐND tp (b/c);
- Sở LĐ-TB&XH (b/c);
- CT và các PCT;
- CPVP;
- Các thành viên BCD
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể tp;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Văn Quyết